

Số: 532/2021/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 22 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 485/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1967; địa chỉ: 56 Đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Lệ Hồng H, sinh năm 1967; địa chỉ: 56 Đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn số 01/91, quyển số 01/CNKH ngày 03/01/1991 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Lệ Hồng H là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/91, quyển số 01/CNKH ngày 03/01/1991. Trong quá trình chung sống thì xảy ra bất đồng về quan điểm, không hòa thuận, không còn tình cảm. Nay, ông bà nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Hai bên khai có 02 con chung Nguyễn Thành Q, sinh ngày 05/10/1992 và Nguyễn Thành V, sinh ngày 05/3/1996. Hai con chung đã thành niên.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Lệ Hồng H cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Lệ Hồng H thuận tình ly hôn (Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Lệ Hồng H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/91, quyển số 01/CNKH ngày 03/01/1991 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Hai bên khai có 02 con chung Nguyễn Thành Q, sinh ngày 05/10/1992 và Nguyễn Thành V, sinh ngày 05/3/1996. Hai con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Lệ Hồng H chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0030486 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q. Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- UBND Phường A, quận T, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc